TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 01 – 11 - 2019
V/v: Chị Trần Thị M xin ly hôn anh Nguyễn Văn B

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa.

2. Ông Phạm Đức Hiển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Ông Bùi Văn Đạt, Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị M, sinh năm 1974; (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình;

Chỗ ở hiện nay: Xóm X, thôn Q, xã TH, huyện TT, tỉnh Thái Bình.

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1972; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn P, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 7 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị M trình bày***:

Chị và anh Nguyễn Văn B đăng ký kết hôn ngày 30 tháng 01 năm 1996 tại UBND xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình. Trước khi kết hôn anh chị có thời gian tìm hiểu, đến với nhau là tự nguyện. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do anh B cờ bạc, rượu chè, về nhà đánh đập vợ con, chị góp ý, anh B không nghe, vì thương con, chị cố gắng nín nhịn, chịu đựng. Tháng 11 năm 2000, anh B uống rượu, cầm kéo đâm vào mặt chị, cầm khóa dây xe đạp đánh chị, chị đã phải bế con về nhà bố mẹ đẻ ở. Sau được mọi người phân tích, chị quay về đoàn tụ nhưng khi về chung sống mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được cải thiện. Năm 2005, do mâu thuẫn quá căng thẳng, chị đưa con gái lớn nhà bố mẹ đẻ ở, con trai thứ hai ở lại cùng anh B, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay chị xác định chị và anh B đã có thời gian 14 năm sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã xảy ra và không còn khả năng hàn gắn, do đó chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B để chị ổn định cuộc sống.

Chị và anh Nguyễn Văn B có hai con chung là Nguyễn Thị Th, sinh ngày 08 tháng 12 năm 1996 và Nguyễn Văn P, sinh ngày 18 tháng 9 năm 2000. Từ khi anh chị sống ly thân, con Th ở cùng chị, con P ở cùng anh B. Nay hai con chung của anh chị đều đã trưởng thành, có sức khỏe tốt, có công việc, có thu nhập ổn định, do đó chị không đề nghị Tòa án giải quyết về nuôi con chung.

Chị và anh Nguyễn Văn B không có tài sản chung, không đi vay và không cho ai vay nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Do chị ở xa, điều kiện sức khỏe không tốt, việc đi lại khó khăn, do đó chị đề nghị Tòa án không tiến hành thủ tục hòa giải và xin xét xử vắng mặt.

**** Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 06 tháng 9 năm 2019 bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày:***

Anh và chị Trần Thị M tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào năm 1996 tại UBND xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống, vợ chồng

xảy ra mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau và đã chấm dứt mọi quan hệ từ năm 2005 đến nay. Nay chị M xin ly hôn anh, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, thời gian sống ly thân đã lâu, do đó anh đồng ý ly hôn với chị M.

Anh và chị Trần Thị M có hai con chung là Nguyễn Thị Th, sinh ngày 08 tháng 12 năm 1996 và Nguyễn Văn P, sinh ngày 18 tháng 9 năm 2000. Hiện hai con chung đã trưởng thành, có sức khỏe, có cuộc sống riêng ổn định, tự lập về kinh tế, do đó anh không đề nghị Tòa án giải quyết về nuôi con chung.

Anh và chị Trần Thị M không có tài sản chung, không đi vay và không cho ai vay nợ chung, anh không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản.

Do tình nghĩa vợ chồng giữa anh và chị M đã chấm dứt từ lâu, anh cũng không muốn gặp mặt chị M do đó anh đề nghị Tòa án không tiến hành thủ tục hòa giải và giải quyết theo thủ tục vắng mặt anh nhưng anh không viết đơn xin xét xử vắng mặt.

**** Tại đơn đề ngày 24 tháng 7 năm 2019 có xác nhận của đại diện thôn Q và đại diện Công an xã TH, huyện TT, tỉnh Thái Bình, bà Nguyễn Thị L (mẹ đẻ chị M) trình bày:***

Trước khi kết hôn, chị Trần Thị M và anh Nguyễn Văn B có được tìm hiểu. Sau kết hôn được 04 năm thì anh chị sống không còn hạnh phúc. Anh B uống rượu, say xỉn, về nhà chửi bới, đánh đập chị M. Gia đình đã khuyên răn anh chị nhiều lần nhưng anh B vẫn không thay đổi. Chị M, anh B đã sống ly thân từ năm 2005 đến nay. Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị M được ly hôn anh B để chị M ổn định cuộc sống.

**** Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 06 tháng 9 năm 2019, bà Dương Thị H (mẹ đẻ anh B), anh Nguyễn Văn M (em trai anh B) trình bày:***

Chị Trần Thị M và anh Nguyễn Văn B kết hôn năm 1996 trên cở tự nguyện. Sau kết hôn anh chị về sống tại gia đình nhà chồng, trong thời gian này cuộc sống của anh chị bình thường, không có mâu thuẫn gì lớn. Sau đó anh chị vào miền nam làm ăn, thời điểm này anh chị có mâu thuẫn gì không, gia đình không biết. Từ năm 2005 đến nay chị M không sống tại gia đình nhà chồng, không liên lạc, không hỏi thăm sức khỏe mẹ và các em, lý do vì sao chị M cắt

đứt mọi liên hệ như vậy, gia đình chúng tôi không biết. Nay chị M xin ly hôn anh B, về phía gia đình đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án :

1.1. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

1.2. Nguyên đơn chị Trần Thị M thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Nguyễn Văn B đã thực hiện một phần quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội, đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Trần Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn B. Không đặt ra giải quyết về nuôi con chung, chia tài sản chung. Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Chị Trần Thị M khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn B, anh B hiện cư trú tại thôn P, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, theo đề nghị của chị Trần Thị M, anh Nguyễn Văn B, căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành thủ tục hòa giải.

[1.3] Nguyên đơn chị Trần Thị M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn B đề nghị Tòa án giải quyết theo thủ tục vắng mặt nhưng không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt nguyên đơn chị Trần Thị M và bị đơn anh Nguyễn Văn B.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị M và anh Nguyễn Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình theo chứng nhận kết hôn số 06, ngày 30 tháng 01 năm 1996, là hôn nhân hợp pháp. Sau kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính, theo chị M là do anh B rượu chè, cờ bạc, đánh đập chị, theo anh B là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Khi mâu thuẫn xảy ra, anh chị không có biện pháp giải quyết dứt điểm, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và đã sống ly thân từ năm 2005 đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị M, anh B là có, đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng đã chấm dứt trên thực tế, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị M, xử cho chị M được ly hôn anh B.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị Trần Thị M và anh Nguyễn Văn B có hai con chung là Nguyễn Thị Th, sinh ngày 08 tháng 12 năm 1996 và Nguyễn Văn P, sinh ngày 18 tháng 9 năm 2000. Xét thấy, hai con chung của anh chị đã thành niên, tự lập về kinh tế, không có nhược điểm về thể chất và tâm thần, chị M, anh B không yêu cầu, do đó Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản chung: Chị Trần Thị M, anh Nguyễn Văn B đều thống nhất trình bày anh chị không có tài sản chung, không đi vay, không cho ai vay nợ chung, anh chị không yêu cầu, do đó Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Trần Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị M, anh Nguyễn Văn B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị M và anh Nguyễn Văn B.

2. Về án phí: Chị Trần Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng chị M đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0003490 ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình. Chị M đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị M, anh Nguyễn Văn B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình;
- UBND xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình (Giấy CNKH số 06 ngày 30 tháng 01 năm 1996);
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Dương